

**TÒA ÁN ND DÂN
THÀNH PHỐ A**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NN VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 14/2019/HS-ST
Ngày 15- 01 - 2019

ND DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NN VIỆT NAM
TÒA ÁN ND DÂN THÀNH PHỐ A

TH phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đức T

Các Hội thẩm ND dân:

1. Ông Nguyễn TH T1
2. Bà Nguyễn Thị Bích T2

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đoàn Thực T3 – Thư ký Tòa án ND dân Thành phố A .

Đại diện Viện kiểm sát ND dân Thành phố A tham gia phiên tòa: Bà Dương Thuỵ Kim N - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án ND dân Thành phố A xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 800/2018/HSST ngày 26 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 6372/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 12 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn L; sinh năm: 1985 tại H; thường trú: thôn D, xã Q, huyện T4, Thành phố H; chỗ ở hiện nay: không nơi cư trú nhất định, trình độ văn hóa: 3/12; nghề nghiệp: thợ hồ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; cha: Phạm Văn C(đã mất); mẹ: bà Nguyễn Thị S(mất tích); hoàn cảnh gia đình: 01 chị gái; tiền án, tiền sự: không.

Tạm giam từ ngày 07/8/2018 (có mặt).

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Bà CP, sinh năm 1997, quốc tịch Trung Quốc (vắng mặt);

Tạm trú: 218 CQ, phường PL, Quận A1, Thành phố A .

Người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan: Bà Huỳnh Thị Ánh T5, sinh năm 1999 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp CG, xã TL, huyện GP, tỉnh DB.

Người làm chứng:

1/ Ông Đỗ Hồng L1, sinh năm 1990 (vắng mặt);

Địa chỉ: 652/65 HC, Phường 13, quận BB, Thành phố A .

2/ Ông Ứng Việt HV, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Địa chỉ: 73 Yersin, phường LC, Quận A1, Thành phố A .

3/ Ông Phạm Văn MP, sinh năm 1965 (vắng mặt);

Địa chỉ: 145/15 TN, phường 2B, Quận A1, Thành phố A .

4/ Ông Du Tô ND, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: 186 Đường số 7, SK, xã HB, huyện CB, Thành phố A .

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ ngày 07/8/2018, Phạm Văn L điều khiển xe mô tô biển số 61L5-2208 đi từ Quận A3 đến Quận A1, khi đến giao lộ Nguyễn Thị NN và PL, phường PL, Quận A1, L phát hiện thấy chị CP (quốc tịch Trung Quốc) đang đứng trên vỉa hè đối diện nhà số 157 đường PL, phường PL, Quận A1, trên tay cầm chiếc điện thoại di động (ĐTDD) hiệu Iphone 7 Plus nên L nảy sinh ý định cướp giật điện thoại di động của chị CP. L điều khiển xe ép sát, rồi dùng tay trái giật chiếc điện thoại của chị CP và điều khiển xe bỏ chạy. Liền lúc đó có các anh Ứng Việt HV, Đỗ Hồng L1 là trinh sát Đội Cảnh sát hình sự Công an Quận A1 và các anh Du Tô ND và Phạm Văn MP là người đi đường, phát hiện đuổi theo bắt giữ L cùng tang vật đưa về trụ sở Công an phường PL lập biên bản phạm tội quả tang.

Tại Cơ quan điều tra, Phạm Văn L đã khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận thực hiện hành vi như Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và cáo trạng của Viện kiểm sát ND dân không tranh luận, không tự bào chữa chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng mức án khoan hồng.

Tại Bản cáo trạng số 07/CT-VKS-P2 ngày 21/12/2018 của Viện kiểm sát ND dân Thành phố A đã truy tố bị cáo Phạm Văn L về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa nêu quan điểm luận tội:

- Giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh và điều khoản áp dụng như nội dung bản cáo trạng.

- Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, ND thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đề nghị xử phạt bị cáo từ 03-04 năm tù.

Về dân sự và vật chứng đề nghị xử lý theo quy định pháp luật.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, T diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định, hành vi tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra, Viện kiểm sát, điều tra viên và kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung Kết luận điều tra của Cơ quan điều tra và bản cáo trạng đã nêu. Xét lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi, Nghĩa vụ liên quan và được chứng minh qua các tài liệu, chứng cứ khác như biên bản thu giữ tang vật, biên bản vụ việc, biên bản nhận dạng, biên bản ghi lời khai của người bị hại, người làm chứng và các biên bản về hoạt động tố tụng điều tra khác có đủ cơ sở xác định bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, khi bị cáo nhìn thấy chị CP (quốc tịch Trung Quốc) đang đứng trên vỉa hè đối diện nhà số 157 đường PL, phường PL, Quận A1, trên tay cầm chiếc điện thoại di động (ĐTDD) hiệu Iphone 7 Plus nên bị cáo nảy sinh ý định cướp giật điện thoại di động của chị CP. Để thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo điều khiển xe ép sát, rồi dùng tay trái giật chiếc điện thoại của chị CP và điều khiển xe bỏ chạy. Đây là lỗi cố ý, hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác đối với tài sản, do đó, có đủ cơ sở để xác định bị cáo phạm tội “Cướp giật tài sản” theo Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tài sản bị cáo Phạm Văn L chiếm đoạt: Theo Biên bản định giá tài sản số 200/BB-HĐĐGTS ngày 18/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận A1 là 01 điện thoại di động hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, 128GB, số Imei : 355843085002958 với giá là 12.863.000 đồng.

[2.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ảnh hưởng xấu đến trật tự an ninh và hình ảnh của đất nước Việt Nam với du khách

quốc tế. Tính nguy hiểm của hành vi mà bị cáo còn thể hiện ở việc bị cáo điều khiển xe mô tô áp sát người bị hại để cướp giật tài sản rồi nhanh chóng tẩu thoát, hành vi này có thể gây nguy hiểm đến tính mạng sức khỏe của người bị giật tài sản, người lưu thông trên đường cũng như bản thân bị cáo. Đây cũng là tình tiết tăng nặng định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm” được quy định tại điểm d, khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi lượng hình, Hội đồng xét xử nhận thấy quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo TH khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Tài sản do bị cáo chiếm đoạt được thu hồi để trả lại cho người bị hại và ND thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự để áp dụng điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự giảm nhẹ một phần hình phạt mà lẽ ra bị cáo phải chịu.

[3] Về trách nhiệm dân sự:

Bà CP đã nhận lại được tài sản bị chiếm đoạt là điện thoại, không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, xét:

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) điện thoại di động hiệu hiệu Iphone 7 Plus màu đỏ, 128GB, số Imei : 355843085002958 là tài sản của bà CP đã trả lại cho chủ sở hữu trong giai đoạn điều tra là đúng quy định pháp luật;

- 01 (một) xe mô tô Airblade, biển số 61L5-2208, do anh Huỳnh Văn TH, ngụ tại ấp CG, xã TL, huyện GP, tỉnh DB đứng tên chủ sở hữu, nhưng ngày 14/7/2017 con gái anh là Huỳnh Thị Ánh T5 điều khiển xe đi chơi và để tại công viên Petrus Ký (thuộc phường Hiệp TH, Thành phố MD, tỉnh DB) thì bị mất trộm. Chị T5 đã đến Công an Thành phố MD, tỉnh DB trình báo, Cơ quan điều tra Công an Thành phố MD, tỉnh DB đã khởi tố vụ án nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố A đã ra Quyết định chuyển vật chứng (chiếc xe trên) cho Cơ quan điều tra Công an Thành phố MD, tỉnh DB để giải quyết theo thẩm quyền (bút lục số 60) là có căn cứ.

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony, màu đen, Imei: 351831060532432 (đã qua sử dụng) và 01 (một) chứng minh ND dân mang tên Vũ Đình TV không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo;

- Các vật chứng thu giữ xét không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy gồm : 01 (một) quần dài màu đen, 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen và 01 (một) áo khoác ngoài màu xám.

[5] Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015,

buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Phạm Văn L** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm điểm d, khoản 2 Điều 171 và điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Phạm Văn L 3 năm 6 tháng** tù. Thời hạn tù tính từ ngày 07/8/2018.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- 01 (một) xe mô tô Airblade, biển số 61L5-2208, do anh Huỳnh Văn TH đứng tên chủ sở hữu đã chuyển cho Cơ quan điều tra Công an Thành phố MD, tỉnh DB để giải quyết theo thẩm quyền;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Sony, màu đen, Imei: 351831060532432 (đã qua sử dụng, không kiểm tra tình trạng bên trong máy) và 01 (một) chứng minh ND dân mang tên Vũ Đình TV trả lại cho bị cáo.

* Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) quần dài màu đen, 01 (một) áo sơ mi dài tay màu đen và 01 (một) áo khoác ngoài màu xám.

(Biên bản giao nhận tang tài vật số 125/19 ngày 27/12/2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố A).

3. Về án phí: Bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi Nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các Hội thẩm ND dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Đức T